

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2023/DS-PT

Ngày: 23-11-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Dư Thành Trung

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp: “Hợp đồng thuê tài sản và hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 306/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 10 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 224/2023/QĐ-PT ngày 14/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1979; cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh L, sinh năm: 1970; cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thái Doãn L1, sinh năm: 1986; địa chỉ liên hệ: Garage Gia P, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Ông Trần Thanh L – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 27/3/2023, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của ông Trần Văn T thì: Ngày 31/8/2022 ông Trần Thanh L có thuê chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA INNOVA, biển kiểm soát 49A-167.40, đời 2008 của ông, hẹn đi về trong ngày. Khoảng 21h00' cùng ngày thì ông L gọi điện cho ông báo xe gặp tai nạn tại địa phận xã P, ông đã gửi số điện thoại xe cứu hộ cho ông L để ông L tự gọi xe cứu hộ đến kéo xe về Garage Gia P ở thị trấn Đ, huyện L. Sau đó ông và ông L có buổi làm việc thống nhất ông L tự đưa xe đi sửa chữa trong thời gian 20 ngày, mọi chi phí sửa chữa ông L phải chi trả cũng như bồi thường thiệt hại nhưng đến nay ông L không có trách nhiệm khắc phục hậu quả.

Nay ông có đơn khởi kiện yêu cầu ông L phải thanh toán cho ông giá trị chiếc xe trước thời điểm xảy ra tai nạn là 163.000.000đ và bồi thường tiền thu nhập bị mất theo thỏa thuận của các bên do những ngày xe không hoạt động được trong 203 ngày (tính đến ngày khởi kiện) là 142.000.000đ. Tổng cộng số tiền yêu cầu ông L phải thanh toán là 305.000.000đ.

- Theo lời trình bày của ông Trần Thanh L thì: Ngày 31/8/2022 ông có gọi điện thoại cho ông T để thuê xe ô tô hiệu TOYOTA INNOVA biển kiểm soát 49A-167.40; thời hạn thuê là một ngày để chở gia đình ông, bà Quách Văn Đ ở thôn P, xã Đ đi thăm con trai đang cải tạo ở Trại giam S, tỉnh Ninh Thuận; các bên thỏa thuận giá trong điện thoại, giá cả đi về là 1.000.000đ. Khi về tới khu vực đường cua nhẹ ở đồi thông xã P thì xe bị mất lái không ôm vào đường được và lật xuống mương bên đường sát cạnh đồi thông, cả ba người trên xe và ông bị thương. Ông chủ động kiểm tra xe và đưa ba người trên xe đi về và điều trị thương, cùng lúc đó gọi điện thoại cho ông T để cùng xử lý, ông T gọi điện thoại cho xe cứu hộ, cầu xe về Garage.

Trong thực tế việc thỏa thuận bồi thường giữa các bên cũng như hợp đồng thuê xe đều thực hiện sau khi xảy ra tai nạn, ông T là chủ xe nhưng không hỏi thăm, quan tâm đến người bị thương trong khi sau 01 tuần thì những người trên xe và cả ông bị trở nặng, ông phải bỏ chi phí điều trị ở bệnh viện cho những người này. Mặt khác, với giá cho thuê xe của ông T đã bằng hoặc hơn giá thuê đối với chiếc xe có mua bảo hiểm toàn phần, do ông T không mua bảo hiểm toàn phần nên phải chịu trách nhiệm. Ngoài ra, chiếc xe bị tai nạn là do lỗi của phương tiện, bị mất lái chứ không phải lỗi của người điều khiển phương tiện. Do vậy ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ngoài ra, trước đây ông có thỏa thuận chuyển tiền cọc sửa xe vì thời điểm đó ông nghĩ sẽ cùng chia sẻ rủi ro với chủ xe nhưng sau đó những người bị thương trở nặng nên ông phải lo cho những người này vì chủ xe không quan

tâm. Do ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên cũng không đồng ý với toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Thái Doãn L2.

- Theo lời trình bày của ông Thái Doãn L2 thì: Vào khoảng 19h54' ngày 31/8/2022, ông T có gọi điện thoại cho ông để kéo xe bị tai nạn về Garage sửa chữa giúp và cho ông số điện thoại của ông L để liên lạc, ông đã kéo xe về Garage. Sáng ngày 01/9/2022 ông T và ông L có ra G để xem xe và trao đổi thì ông báo chi phí sửa chữa khoảng 60.000.000đ đến 80.000.000đ chưa tính phát sinh, ông L nói sẽ chuyển tiền cọc nhưng sau đó thì không thấy ai chuyển, ông có liên hệ để các bên thỏa thuận nhưng không được.

Nay các bên phát sinh tranh chấp thì ông yêu cầu ông Trần Thanh L phải thanh toán cho ông tiền thuê xe kéo xe bị tai nạn từ khu vực đèo C, huyện Đ về G trong đêm 31/8/2022 là 4.500.000đ; tiền phí lưu kho của chiếc xe ô tô nói trên tại Garage tạm tính là 330 ngày với số tiền 5.000đ/ngày, thành tiền là 1.650.000đ. Tổng cộng ông yêu cầu ông L phải thanh toán cho ông 6.150.000đ.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 20/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023; Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc ông Trần Thanh L phải thanh toán cho ông Trần Văn T giá trị chiếc xe ô tô hiệu Toyota Innova BKS: 49A-16740 là 163.000.000đ.

+ Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bị đơn, buộc ông Trần Thanh L phải thanh toán cho ông Thái Doãn L2 tiền thuê xe kéo xe tai nạn là chiếc xe ô tô hiệu Toyota Innova BKS: 49A-16740 về Garage là 4.500.000đ và tiền phí lưu kho của chiếc xe ô tô hiệu Toyota Innova BKS: 49A-16740 lưu tại Garage từ ngày 01/9/2022 đến nay, tính là 330 ngày với số tiền 5.000đ/ngày tương đương với số tiền 1.650.000đ. Tổng cộng ông L phải thanh toán cho ông L2 số tiền 6.150.000đ.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn đối với số tiền yêu cầu bồi thường giá trị chiếc xe là 117.000.000đ và yêu cầu của nguyên đơn với số tiền 105.000.000đ tiền thu nhập bị mất do những ngày xe không hoạt động được.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền thu nhập bị mất do những ngày xe không hoạt động được là 37.000.000đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 05/9/2023 ông Trần Thanh L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T và yêu cầu độc lập của ông Thái Doãn L2.

Tại phiên tòa,

Ông Trần Thanh L xác định chỉ kháng cáo phần quyết định của Bản án sơ thẩm buộc ông bồi thường thiệt hại cho ông T và thanh toán tiền kéo xe và lưu kho cho ông L2; các phần khác của Bản án không kháng cáo.

Ông Trần Văn T đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh L phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA INNOVA biển kiểm soát 49A-167.40 do trong quá trình thuê xe và sử dụng đã để xảy ra tai nạn dẫn đến bị hư hỏng đồng thời yêu cầu bồi thường tiền thu nhập bị mất theo thỏa thuận của các bên do những ngày xe không hoạt động được trong 203 ngày (tính đến ngày khởi kiện). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thái Doãn L1 có yêu cầu độc lập buộc ông L phải thanh toán cho ông tiền thuê xe kéo xe tai nạn là 4.500.000đ và tiền phí lưu kho từ ngày 01/9/2022 đến nay với số tiền là 1.650.000đ. Ông L không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp.

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” là có căn cứ.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Vào ngày 31/8/2022 ông L thuê chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA INNOVA, biển kiểm soát 49A-167.40, đời 2008 của ông T, hẹn đi về trong ngày. Tối ngày 31/8/2022 khi ông L đang chạy xe, lưu thông tại địa phận xã P, huyện Đ thì xảy ra tai nạn lật xe. Sau đó, đương sự đã gọi cho chủ G1 ở L là ông L2 đưa xe cứu hộ cầu chiếc xe trên về Garage Gia P để sửa chữa và để tại đây cho đến nay.

Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận có việc xảy ra tai nạn và kéo xe về Garage nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.2] Ông L cho rằng nguyên nhân dẫn đến chiếc xe bị tai nạn là do lỗi của phương tiện khiến xe tự mất lái dẫn đến lật xe đồng thời do ông T không mua bảo hiểm toàn phần nên không đồng ý bồi thường.

Tuy nhiên, theo hồ sơ vụ án thể hiện tại thời điểm ông T cho ông L thuê thì chiếc xe nói trên vẫn trong thời hạn đăng kiểm theo Giấy chứng nhận kiểm định số 0601511; đồng thời khi xảy ra tai nạn thì ông L không báo cơ quan chức năng để kiểm tra; đánh giá nguyên nhân xảy ra tai nạn và tại Công văn số 05/CV-CSGT ngày 20/6/2023 của Đội cảnh sát giao thông Công an huyện Đ cũng xác nhận nội dung này.

Ngoài ra, sau khi xảy ra tai nạn thì ông L, ông T cùng ký biên bản thỏa thuận việc ông L phải chịu toàn bộ chi phí sửa chữa chiếc xe và bồi thường tiền thu nhập bị mất. Việc mua bảo hiểm toàn phần (thân, vỏ,...) không phải là quy định bắt buộc do đó việc ông L cho rằng việc ông T không mua bảo hiểm toàn phần cho chiếc xe nên phải chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại xảy ra là không có cơ sở; bởi lẽ xét về mối quan hệ nhân quả thì xe bị hư hỏng xảy ra trong quá trình ông L điều khiển xe của ông T, việc ông L sử dụng chiếc xe này là thông qua một giao dịch dân sự thuê tài sản; do vậy lời trình bày của ông L là không có cơ sở xem xét.

[3] Theo báo giá sửa chữa của Garage Gia P thì số tiền sửa chữa là 162.400.000đ; theo kết quả định giá tại giai đoạn sơ thẩm thì giá trị chiếc xe trước thời điểm xảy ra tai nạn là 163.000.000đ; như vậy chi phí sửa xe gần tương đương với giá trị của chiếc xe trước đó; cần căn cứ vào kết quả định giá về giá trị của chiếc xe trước khi xảy ra tai nạn để giải quyết.

Tuy nhiên, sau khi xảy ra tai nạn thì bị đơn đã tiến hành đưa người bị nạn đi cấp cứu, cũng như bỏ chi phí để điều trị cho các nạn nhân, phía ông T cũng không có hành động thăm hỏi hay động viên gì đối với các nạn nhân. Bên cạnh đó, ông T cũng phải chịu một phần trách nhiệm do không báo cơ quan chức năng về việc xe bị tai nạn. Vì vậy, cần xác định lỗi của ông T là 30% và ông L là 70%; các bên phải chịu thiệt hại tương ứng với phần lỗi của mình; cụ thể ông L phải bồi thường với số tiền là: $163.000.000đ \times 70\% = 114.100.000đ$.

Cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông L phải bồi thường toàn bộ giá trị chiếc xe trước khi xảy ra tai nạn cho ông T nhưng lại không tuyên giao chiếc xe cho ai là có thiếu sót, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Do chỉ buộc ông L phải bồi thường cho ông T 70% giá trị thiệt hại nên cần tuyên trả lại cho ông T chiếc xe nói trên là có cơ sở. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật thì nghĩa vụ chi trả chi phí cho việc lưu kho của chiếc xe nói trên thuộc về nguyên đơn.

[4] Đối với yêu cầu độc lập của ông Thái Doãn L2 thì thấy rằng: Sau khi tai nạn xảy ra, ông L, ông T thống nhất để ông L2 đưa xe cứu hộ vào cầu xe và đưa xe về Garage Gia P để sửa chữa, từ thời điểm đó cho đến nay chiếc xe vẫn đang lưu tại Garage Gia Phúc. Tại biên bản thỏa thuận giữa ông L, ông T thì ông L thống nhất chịu các chi phí có liên quan đến việc sửa chữa xe. Do phía người thuê có lỗi trong việc gây ra hư hỏng trong quá trình sử dụng tài sản thuê nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L phải thanh toán các chi phí này cho ông L2 là đúng quy định.

[5] Về chi phí tố tụng: chi phí định giá tài sản tại giai đoạn sơ thẩm là 4.600.000đ; cần buộc nguyên đơn và bị đơn phải chịu tương ứng với phần lỗi của mình; cụ thể: ông T phải chịu 1.380.000đ, ông L phải chịu 3.220.000đ; do ông T đã nộp tạm ứng chi phí nói trên và được Tòa án cấp sơ thẩm quyết toán xong nên cần buộc ông L phải trả lại số tiền 3.220.000đ cho ông T là phù hợp.

[6] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Thanh L để sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[7] Các phần khác của quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí: Ông T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu không được chấp nhận (48.900.000đ thiệt hại chiếc xe; 37.000.000đ thu nhập bị mất không được chấp nhận; tổng công là 85.900.000đ x 5% = 4.295.000đ). Ông L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải bồi thường cho ông T và thanh toán cho ông L2 (114.100.000đ + 6.150.000đ = 6.012.500đ). Ông L2 không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận nên ông L không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 472, 474, 476, 477, 479, 480, 482, 513, 514, 515, 519 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Thanh L, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*” đối với ông Trần Thanh L.

1.1. Buộc ông Trần Thanh L phải bồi thường cho ông Trần Văn T số tiền 114.100.000đ (một trăm mười bốn triệu một trăm nghìn đồng).

1.2. Ông Trần Văn T được quyền sở hữu, sử dụng chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA INNOVA biển kiểm soát 49A-167.40, đăng ký lần đầu ngày 07/5/2008, số máy 1TR-6544439, số khung RL4XW41G189003644 mang tên Trần Văn T theo quy định của pháp luật.

Việc di dời xe ra khỏi Garage Gia P, sửa chữa chiếc xe nói trên (nếu có); chi phí lưu kho kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật thuộc nghĩa vụ của ông Trần Văn T.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Thái Doãn L2 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” đối với ông Trần Thanh L.

Buộc ông Trần Thanh L phải thanh toán cho ông Thái Doãn L2 số tiền 6.150.000đ (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: buộc ông Trần Văn T phải chịu 1.380.000đ, ông Trần Thanh L phải chịu 3.220.000đ chi phí định giá tài sản.

Buộc ông L phải trả lại cho ông T số tiền 3.220.000đ (ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

4. Các phần khác của quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Ông Trần Văn T phải chịu 4.295.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 10.440.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010245 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Ông T được nhận lại số tiền 6.145.000đ tạm ứng án phí còn thừa.

Ông Trần Thanh L phải chịu 6.012.500đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010329 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi

hành án Dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Ông L còn phải nộp 5.712.500đ.

Ông Thái Doãn L2 không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; ông L2 được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010318 ngày 02/8/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông Trần Thanh L không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV &THA (01);
- TAND huyện Đam Rông (01);
- CCTHADS huyện Đam Rông (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Châu Thạch